

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIỆT XUÂN

TỔ: NGŨ VĂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HK I NGŨ VĂN 6 NĂM HỌC 2024- 2025 (Tài liệu tham khảo)

A. PHÂN VĂN BẢN:

1. Truyền thuyết là gì? Nêu đặc điểm cốt truyện truyền thuyết (SGK/17,18)

Truyền thuyết là thể loại truyện kể dân gian, thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc liên quan đến lịch sử.

Cốt truyện truyền thuyết:

- Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.
- Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.

Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại

2. Cổ tích là gì? Nêu đặc điểm cốt truyện cổ tích? Chủ đề truyện cổ tích? (SGK/37,38)

Truyện cổ tích là loại truyện dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận một số kiểu nhân vật; thể hiện cách nhìn, cách nghĩ của người xưa đối với cuộc sống, đồng thời nói lên ước mơ về một xã hội công bằng, tốt đẹp.

Cốt truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, kỳ ảo, mở đầu bằng “Ngày xưa ngày xưa ...”, kết thúc có hậu. Truyện kể theo thứ tự thời gian. Thường kể về một số kiểu nhân vật: NV dũng sĩ, thông minh, ...

Phẩm chất của nhân vật được thể hiện qua hành động.

Đề tài: Đề tài truyện cổ tích thường là hiện tượng đời sống được miêu tả, thể hiện qua VB

Chủ đề là vấn đề chính mà văn bản nêu lên qua một hiện tượng đời sống;

Chủ đề nổi bật của truyện cổ tích là ước mơ về một xã hội công bằng, cái thiện thắng cái ác.

3. Thơ lục bát

- Khái niệm: Thơ lục bát là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Một cặp câu lục bát gồm 1 dòng 6 tiếng (dòng lục) và 1 dòng thơ 8 tiếng (dòng bát)

- Cách gieo vần:

- + Tiếng thứ 6 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát
- + Tiếng thứ 8 của dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo.

- Cách ngắt nhịp: thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4/2, 4/4...)

- Thanh điệu:

Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu lục	-	B	-	T	-	B		
Câu bát	-	B	-	T	-	B	-	B

4. Truyện đồng thoại

a. Khái niệm: Truyện đồng thoại là thể loại văn học dành cho thiếu nhi. Nhân vật trong truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa. Vì thế, chúng vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.

b. Các đặc điểm của truyện đồng thoại:

- Cốt truyện: là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định, có mở đầu, diễn biến và kết thúc.

- Người kể chuyện: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Gồm có hai kiểu người kể chuyện thường gặp:

- + Người kể chuyện ngôi thứ nhất: xưng “tôi”, trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm
- + Người kể chuyện ngôi thứ ba (người kể chuyện giấu mình): không tham gia và câu chuyện, nhưng có khả năng biết hết mọi chuyện.
- Lời người kể chuyện: thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật và miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.
- Lời nhân vật: là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.

5. Kí: Kí, hồi kí và du kí

- Khái niệm:

+ Kí: là thể loại văn học coi trọng sự thật và những trải nghiệm, chứng kiến của chính người viết. Trong kí, có những tác phẩm:

Thiên về kể sự việc như hồi kí, du kí...

+ Thiên về biểu cảm như tùy bút, tản văn...

+ Hồi kí: là thể loại văn học chủ yếu kể lại những sự việc mà người viết đã từng tham dự hoặc chứng kiến trong quá khứ. Các sự việc trong hồi kí thường được kể theo trình tự thời gian, gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời tác giả.

+ Du kí: là thể loại văn học chủ yếu kể về những sự việc mới diễn ra hoặc đang diễn ra gắn với các chặng đường trong hành trình tìm hiểu những vùng đất kì thú của Việt Nam và thế giới.

- Ngôi kể: kí, hồi kí, du kí được kể theo ngôi thứ nhất, xưng tôi- đây là hình ảnh của tác giả

- Lưu ý: Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí (xưng tôi, hoặc chúng tôi) mang hình bóng tác giả nhưng không hoàn toàn là tác giả.

Vì giữa tác giả (lúc viết hồi kí) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (ở quá khứ) có khoảng cách về tuổi tác, thời gian, nhận thức, quan niệm... Vì thế không thể đồng nhất được.

- Hình thức ghi chép và cách kể sự việc trong hồi kí:

+ Ghi chép (hiểu theo cách thông thường): là việc chuẩn bị nguồn tư liệu về những điều có thật, đã xảy ra để viết nên các tác phẩm " Tư liệu được ghi chép: phải đảm bảo độ xác thực, tin cậy

+ Ghi chép (hiểu theo cách mở rộng): là cách viết, kể, sáng tác " Người viết hồi kí không thể bê nguyên cái có thật, từng xảy ra ngoài đời vào văn bản mà phải ghi sao cho thành chuyện và kể sao cho hấp dẫn, sâu sắc.

Cần có kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để đọc hiểu văn bản (Ngữ liệu mới):

- Nhận biết được thể loại của văn bản trích dẫn

- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, chủ đề, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản

- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.

B. PHÂN TIẾNG VIỆT:

1. Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy)

* **Từ đơn:** là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng.

* **Từ phức:** là từ được cấu tạo từ hai tiếng trở lên

* **Phân biệt các loại từ phức:** Từ phức được chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.

Từ ghép: là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về mặt nghĩa.

VD: sách vở, bàn ghế, quần áo

Nghĩa của từ ghép có thể rộng hoặc hẹp hơn nghĩa của tiếng gốc tạo ra nó. (VD: “ông bà” rộng hơn nghĩa “ông”, “bà”; “Ông nội” hẹp nghĩa hơn “ông”)

Từ láy: là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ láy âm với nhau.
VD: Lung linh, xinh xinh, đo đo

Nghĩa của từ láy có thể tăng hay giảm về mức độ, tính chất hoặc thay đổi sắc thái nghĩa so với tiếng gốc tạo ra nó. (VD: “đỏ đỏ” giảm nghĩa so với “đỏ”; “nhạy nhẹn” tăng nghĩa so với “nhạy”.)

2. Thành ngữ

✳ **Thành ngữ** là một tập hợp từ cố định, quen dùng.

VD: *được voi đòi tiên; há miệng chờ sung*

✳ **Nghĩa của thành ngữ** không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ cấu tạo nên nó, mà là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.

(nắm vững kiến thức để xác định và nêu được nghĩa thành ngữ thông dụng)

3. Trạng ngữ

a. Đặc điểm

- **Ý nghĩa:** Trạng ngữ là thành phần phụ của câu giúp xác định thời gian, nguyên nhân, nơi chốn, mục đích... của sự việc nêu trong câu.

- **Hình thức:** Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu. Trạng ngữ được ngăn cách với thành phần chính của câu (Chủ ngữ + vị ngữ) bằng một quãng nghỉ khi nói hay một dấu phẩy khi viết.

b. Chức năng

- Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.

- Liên kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc.

Ví dụ 1: Vì chủ quan, nhiều bạn làm bài kiểm tra chưa tốt.

→ TN chỉ nguyên nhân

Ví dụ 2: Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít.

→ TN chỉ thời gian

Ví dụ 3: Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và một quả trứng gà, dặn luôn phải giắt trong người phòng khi dùng đến

→ TN Liên kết câu về mặt thời gian, sự việc này nối tiếp sự việc kia

4. Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản

- Cách lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản:

+ Xác định nội dung cần diễn đạt

+ Huy động các từ đồng nghĩa, gần nghĩa rồi lựa chọn từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện

+ Chú ý khả năng kết hợp hài hòa giữa từ ngữ được chọn với những từ ngữ sử dụng trước và sau nó trong câu (đoạn) văn

- Tác dụng: giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (viết) muốn thể hiện.

5. Ấn dụ, hoán dụ

- Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.
- Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

6. Cụm từ, cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

Cụm từ: Trong câu tiếng Việt, thành phần chính gồm có chủ ngữ (C) và vị ngữ (V).

- Chủ ngữ và vị ngữ của câu có thể chỉ là một từ (Ví dụ: Gà gáy. Hoa nở.) nhưng cũng có thể là một cụm từ (Ví dụ: Con gà nhà tôi gáy rất to. Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn).
- Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (danh từ/động từ/tính từ) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm.
- Có những loại cụm từ như:
 - + *Cụm danh từ* có danh từ làm thành phần chính. Ví dụ: *hai cái răng đen nhánh.*
 - + *Cụm động từ* có động từ làm thành phần chính. Ví dụ: *thường dẫn tôi ra vườn.*
 - + *Cụm tính từ* có tính từ làm thành phần chính. Ví dụ: *rất chăm chỉ.*

Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:

- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm từ, có thể là cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.
- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có những thông tin cụ thể, chi tiết hơn.
- Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu.

Tác dụng: Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.

C. PHÂN TẬP LÀM VĂN

1. VIẾT ĐOẠN VĂN:

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

a. Hình thức:

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất để trình bày cảm nhận
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

b. Nội dung:

Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát theo cấu trúc 3 phần:

Mở đoạn:

- Giới thiệu nhan đề, tác giả
- Nêu cảm xúc chung về bài thơ

Thân đoạn:

- Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- Làm nổi bật cảm xúc qua những hình ảnh, từ ngữ trong bài thơ

Kết đoạn:

- Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ
- Nêu ý nghĩa của nó đối với bản thân.

2. VIẾT BÀI VĂN:

2.1. Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích (hoặc truyền thuyết) đã đọc:

a. Khái niệm: Kể lại một truyện cổ tích (truyền thuyết) là loại văn kể chuyện, trong đó người viết kể lại một truyện cổ tích/ truyền thuyết đã đọc bằng lời văn của mình.

b. Yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một truyện cổ tích hay truyền thuyết đã đọc:

Về hình thức:

- Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.
- Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.
- Người kể sử dụng ngôi kể thứ ba

Về nội dung:

- Các sự việc được trình bày theo thứ tự thời gian: Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến lúc kết thúc. Sự tiếp nối của các sự việc được trình bày mạch lạc và hợp lí.
- Tôn trọng cốt truyện truyền thuyết và cổ tích: Đảm bảo đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kỳ ảo, hoang đường

***Cấu trúc bài văn kể lại một truyện cổ tích hay truyền thuyết như sau:**

a. Mở bài: Giới thiệu

- Tên truyện
- Lí do muốn kể lại truyện

b. Thân bài:

Giới thiệu: Nhân vật và hoàn cảnh xảy ra câu chuyện

Kể diễn biến các sự việc trong câu chuyện theo trình tự thời gian:

- **Sự việc 1:** Sự việc khởi đầu
- **Sự việc 2:** Sự việc phát triển
-
- **Sự việc cao trào.**
- **Sự việc kết thúc:** Nêu kết cục của câu chuyện

c. Kết bài:

- Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể
- Liên hệ bản thân: Nêu bài học mà bản thân rút ra được sau khi tìm hiểu truyện.

Lưu ý: Khi kể lại một truyền thuyết hoặc một chuyện cổ tích đã đọc thì cần đảm bảo:

- Đảm bảo các sự việc chính – sự việc quan trọng, đặc biệt là các yếu tố kỳ ảo, hoang đường; và trong truyền thuyết cần phải đảm bảo các dấu ấn lịch sử (thời gian, địa danh, tên nhân vật)

- Các sự việc phải tiếp nối, liên mạch với nhau

2.2: Kể lại một trải nghiệm của bản thân

a. Khái niệm: Kể lại một trải nghiệm của bản thân là kiểu bài trong đó người viết kể diễn biến của sự việc mà mình đã trải qua và để lại nhiều ấn tượng, cảm xúc

b. Yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân:

Về hình thức:

- Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.
- Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động
- Người kể sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm

Về nội dung:

- Các sự việc được trình bày theo thứ tự hợp lí: Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến lúc kết thúc. Sự tiếp nối của các sự việc được trình bày mạch lạc và hợp lí.

***Cấu trúc bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân cần đảm bảo cấu trúc 3 phần:**

Mở bài:

- Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.
- Dẫn dắt chuyên ý, gợi sự tò mò hấp dẫn với người đọc.

Thân bài:

- Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh diễn ra câu chuyện và những nhân vật liên quan.

- Kể các sự việc theo trình tự diễn ra của chúng:

- + Sự việc 1: Sự việc khởi đầu
- + Sự việc 2: Sự việc phát triển

.....

- + Sự việc cao trào:
- + Sự việc kết thúc

(Kể chuyện hấp dẫn; Kết hợp kể, miêu tả và bộc lộ cảm xúc)

Kết bài:

Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân. Bài học của bản thân.

2.3. Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt

a. Khái niệm: Tả cảnh sinh hoạt là dùng khả năng quan sát và lời văn gợi tả, làm sống lại bức tranh sinh hoạt, giúp người đọc hình dung rõ nét về không khí, đặc điểm nổi bật của cảnh đó.

b. Yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân:

- Đảm bảo cấu trúc của bài văn miêu tả
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.
- Bố cục mạch lạc
- Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động...

***Bài văn tả cảnh sinh hoạt cần đảm bảo cấu trúc 3 phần:**

Mở bài:

Giới thiệu cảnh sinh hoạt được tả (thời gian, địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt)

Thân bài:

Tả lại cảnh sinh hoạt theo một trật tự hợp lí (Từ xa → gần; Từ bao quát → Chi tiết)

Tả không khí chung của cảnh sinh hoạt bằng một cái nhìn bao quát.

Tả cụ thể, chi tiết những hình ảnh tiêu biểu, đặc sắc, nổi bật của cảnh sinh hoạt

Kết bài: Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

- Thời gian: 90 phút
- Hình thức: Tự luận 100%

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm):

Ngữ liệu (Tương đương với thể loại/ loại văn bản được học trong chương trình)
Học sinh đọc - hiểu ngữ liệu (mới), trả lời 5 câu hỏi dạng sau đây:

- Câu 1 (0.5 điểm) nhận biết
- Câu 2 (0.5 điểm) nhận biết
- Câu 3 (1.0 điểm) thông hiểu
- Câu 4 (1.0 điểm) thông hiểu
- Câu 5 (1.0 điểm) vận dụng

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Gồm 2 câu

Câu 1 (2.0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 150 - 200 chữ) trình ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Câu 2 (4.0 điểm): Đề có thể yêu cầu viết 1 trong các dạng đề văn sau đây

1. Viết bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết đã đọc bằng lời văn của em.
2. Viết bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.
3. Viết bài văn (khoảng 400 chữ) miêu tả một cảnh sinh hoạt.
(VD: Tả quang cảnh sân trường em trong giờ chào cờ hoặc giờ ra chơi...)

ĐỀ THAM KHẢO

I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Bà kiến đã già, một mình ở trong cái tổ nhỏ dưới mô đất, vừa chật hẹp, vừa ẩm ướt. Mấy hôm nay, bà đau ốm cứ rên hừ hừ. Đàn kiến con đi tha mồi, qua nhà bà kiến, nghe tiếng bà rên liền chạy vào hỏi thăm:

– Bà ơi, bà làm sao mà kêu rên vậy?

– Ôi cái bệnh đau khớp nó hành hạ bà khổ quá đi mất! Nhà bà ở đây lại ẩm ướt, thiếu ánh nắng, khó chịu lắm các cháu ạ!

Đàn kiến con vội nói:

– Thế thì để chúng cháu đưa bà đi sưởi nắng nhé!

Một con kiến đầu đàn chỉ huy đàn kiến con, tha về một chiếc lá đa vàng mới rụng. Cả đàn xúm vào diu bà ngồi lên chiếc lá đa, rồi lại cùng ghé vai khiêng chiếc lá đến chỗ đầy ánh nắng và thoáng mát. Bà kiến cảm thấy thật khoan khoái, dễ chịu....

(Trích truyện: *Đàn kiến con ngoan ngoãn*, Tiếng Việt 1, Tập1- sách Kết nối tri thức, trang 34, NXBGD 2020)

Câu 1: (0.5đ) Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 2: (0.5đ) Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi thứ mấy?

Câu 3: (1đ): Xác định và nêu cấu tạo của thành phần chính (chủ ngữ và vị ngữ) trong câu văn “*Cả đàn xúm vào dìu bà ngồi lên chiếc lá đa, rồi lại cùng ghé vai khiêng chiếc lá đến chỗ đầy ánh nắng và thoáng mát.*”

Câu 4: (1đ) Đoạn trích trên sử dụng thành công biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp ấy?

Câu 5: (1đ) Qua câu chuyện trên, em rút ra cho mình bài học gì?

II. VIẾT (6,0 điểm).

Câu 1: (2đ) Viết đoạn văn (Khoảng 150 -200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát mà em thích

Câu 2:(4 đ) Viết một bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

MỘT SỐ DÀN Ý (THAM KHẢO)

I. ĐOẠN VĂN:

Viết đoạn văn (khoảng 150 - 200 chữ) trình ghi lại cảm xúc về bài ca dao:

*Anh em nào phải người xa
Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân.
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hoà thuận, hai thân vui vầy.*

Mở đoạn:

Giới thiệu bài ca dao “Anh em...” là bài thơ lục bát thể hiện tình cảm anh em ấm áp, thiêng liêng để lại cho em cảm xúc sâu lắng

Thân đoạn

- Cụm từ “cùng chung bác mẹ”, “cùng thân” giúp em cảm nhận được sự gắn bó máu thịt giữa anh và em.
- Hình ảnh so sánh “Yêu nhau như tay với chân” thể hiện được tình cảm anh em thân thiết, không thể tách rời.
- Câu cuối là lời khuyên chân thành, thiết, nó gợi nhớ lời cha mẹ dạy bảo mỗi ngày: Anh em yêu thương, hoà thuận với nhau để cha mẹ vui lòng, gia đình êm ấm.
- Cảm xúc, nhớ về anh chị em, thấy ấm áp, hạnh phúc/ Ân hận khi chưa tốt với anh em của mình

Kết đoạn:

- Bài thơ cho thấy anh em thật đáng quý.
- Em cần biết yêu thương anh chị em mình nhiều hơn và sống có trách nhiệm hơn với gia đình.

II. VIẾT BÀI VĂN:

1. Viết bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết đã đọc bằng lời văn của em.

Viết bài văn kể lại truyện *Sự tích Hồ Gươm*

Mở bài

- Giới thiệu tên truyện *Sự tích Hồ Gươm*
- Nêu lí do muốn kể lại truyện:

Thân bài:

Kể chuyện theo trình tự thời gian:

- Giặc Minh đô hộ, khiến dân ta làm than, Nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại. Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần.
- Lê Thận đi đánh cá, ba lần kéo lưới đều thấy lưỡi gươm, bèn mang về nhà
- Lê Lợi thua trận, chạy vào rừng, tình cờ bắt được chuôi gươm.
- Lê Lợi đến nhà Thận, thấy lưỡi gươm phát sáng, cầm lên xem.
- Lê Lợi kể lại chuyện cho Thận, hai người đem gươm ra tra vào chuôi vừa như in. Thận cùng tướng lĩnh nguyện một lòng phò Lê Lợi cứu nước
- Từ khi có gươm thần, nghĩa quân đánh đâu thắng đó, nhanh chóng quét sạch giặc ngoại xâm.
- Đất nước thanh bình, Lê Lợi lên làm vua; Long Quân sai Rùa Vàng đòi gươm thần; Vua trả gươm.
- Từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

Kết bài

- Nêu cảm nghĩ về truyện *Sự tích Hồ Gươm*: Truyện thể hiện tình thần yêu nước, đoàn kết chống giặc cứu nước của nhân dân ta.
- Bài học cho bản thân: Biết ơn những người anh hùng đã xả thân bảo vệ hòa bình đất nước; Có tinh thần yêu nước quyết tâm xây dựng và bảo vệ non sông đất Việt.

2. Viết bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em:

Mở bài

- Giới thiệu ngắn gọn về trải nghiệm mắc lỗi mà em từng trải qua.
 - Nêu khái quát cảm xúc của em khi nhớ lại lỗi lầm đó (hối hận, xấu hổ, đáng nhớ...).
- Ví dụ: Ai cũng từng phạm lỗi ít nhất một lần, và em cũng không ngoại lệ. Em cũng từng phạm lỗi lầm. Nhưng lần nói dối mẹ khi làm em nhớ mãi. Trải nghiệm đó đã để lại cho em nhiều bài học quý giá...*

Thân bài

Hoàn cảnh xảy ra sự việc:

- Hôm đó là một buổi chiều cuối tuần, bố mẹ phải về quê đi dự tiệc....
- Bố mẹ bảo em trông nhà và học bài nhưng vì mãi chơi điện thoại, em đã không học bài.

Kể diễn biến các sự việc:

- Ngày hôm sau, thứ 2 đầu tuần, GV cho làm bài KT môn...
- Em không làm được bài KT, nộp giấy trắng. Khi ấy, em lo lắng, sợ hãi, hối hận...
- GV trả bài KT, em bị điểm kém
- Em đã giấu bài kiểm tra điểm kém để tránh bị mẹ trách mắng.
- Khi dọn dẹp bàn học của em, mẹ đã phát hiện tờ giấy KT đó và rất giận dữ. Mẹ gọi em lại hỏi.
- Em đã thú nhận mọi chuyện với mẹ, hứa sẽ chăm chỉ hơn.
- Mẹ đã tha thứ cho em nhưng làm mẹ buồn và thất vọng về mình, em rất ân hận

Kết bài

Trải nghiệm về lần mắc lỗi đó đã giúp em hiểu rằng trung thực và biết nhận lỗi là điều quan trọng. Em sẽ cố gắng sửa sai và hoàn thiện bản thân mỗi ngày. Em sẽ cố gắng học giỏi để mẹ vui lòng.

3. Viết bài văn (khoảng 400 chữ) miêu tả một cảnh sinh hoạt.

Tả quang cảnh sân trường em trong giờ ra chơi

Mở bài:

- Giới thiệu trường em và cảnh sân trường vào giờ ra chơi.
- Dẫn dắt bằng lời bài hát “Em yêu trường em” để gợi cảm xúc về mái trường thân yêu.

Thân bài:

Sân trường trước giờ ra chơi:

Nắng vàng rực rỡ trên những bức tường màu vàng kem

Sân trường yên ắng, chỉ nghe tiếng chim hót.

Dãy lớp học vang lên tiếng cô giảng bài, học sinh chăm chú viết bài.

Sân trường vào giờ ra chơi:

Tiếng trống báo hiệu, học sinh ùa ra sân ồn ào, náo nhiệt

Các hoạt động sôi nổi: tập thể dục, chơi nhảy dây, ô ăn quan, bịt mắt bắt dê, bóng đá...

Một số bạn ngồi đọc sách, trò chuyện dưới bóng cây.

(Lưu ý tả chi tiết, cụ thể dáng vẻ, hoạt động của học sinh trong các nhóm chơi)

Cảnh thiên nhiên tươi đẹp: nắng vàng dịu nhẹ, gió thổi mát rượi, bóng cây phượng che mát.

Sân trường sau giờ ra chơi:

Tiếng trống báo hiệu giờ học, học sinh nhanh chóng vào lớp.

Sân trường yên tĩnh trở lại, chuẩn bị cho tiết học mới.

Kết bài:

Cảm nghĩ về giờ ra chơi: bổ ích, đáng nhớ, giúp gắn kết tình bạn và tiếp thêm năng lượng học tập.

Ngày tháng 12 năm 2024
BGH ký duyệt

Nguyễn Thị Miên